

TRƯỜNG ĐẠI HỌC KINH TẾ QUỐC DÂN
BỘ MÔN KINH TẾ VĨ MÔ

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH
KINH TẾ VĨ MÔ

HỌC PHẦN KINH TẾ VĨ MÔ CƠ SỞ
(Tái bản có sửa chữa)

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
HÀ NỘI 2004

CHỦ BIÊN
PGS. TS. NGUYỄN VĂN CÔNG

HƯỚNG DẪN THỰC HÀNH KINH TẾ VĨ MÔ

(HỌC PHẦN KINH TẾ VĨ MÔ CƠ SỞ)

NHÀ XUẤT BẢN LAO ĐỘNG
Hà Nội 2004

Nhóm tác giả:

PGS. TS Nguyễn Văn Công biên soạn các chương 1, 2, 3, 4, 6, 10, và 11

GVC Nguyễn Văn Ngọc biên soạn các chương 7, 8, 9, và 13

GVC Nguyễn Văn Ngọc và TS Hoàng Yến biên soạn các chương 5 và 12

LỜI NÓI ĐẦU

Kinh tế học là môn học cơ sở cung cấp nền tảng lý thuyết cho các môn định hướng ngành và kinh tế ngành của tất cả các chuyên ngành kinh tế và quản trị kinh doanh. Theo phạm vi nghiên cứu, kinh tế học được chia thành hai phân ngành, đó là kinh tế vi mô và kinh tế vĩ mô. Cuốn sách này chỉ đề cập đến phân ngành kinh tế vĩ mô.

Kinh tế vĩ mô là một môn học nghiên cứu hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Nó giúp chúng ta lý giải những câu hỏi quan trọng có liên quan đến đời sống kinh tế của một quốc gia. Ví dụ, điều gì quyết định mức sống và tốc độ tăng trưởng kinh tế của một nước? Những nhân tố nào dẫn đến lạm phát và thất nghiệp? Tại sao các nền kinh tế thường xuyên biến động? Chính phủ đóng vai trò gì trong việc thúc đẩy tăng trưởng, kiểm chế lạm phát và ổn định thất nghiệp ở mức hợp lý? Những thay đổi trong môi trường quốc tế có ảnh hưởng như thế nào đến thành tựu kinh tế vĩ mô của một nước?

Cuốn sách "*Hướng dẫn thực hành Kinh tế vĩ mô*" này được biên soạn cho những sinh viên lần đầu tiên tiếp cận với kinh tế vĩ mô. Mục tiêu của cuốn sách là nâng cao kỹ năng thực hành cho sinh viên trong quá trình học tập và nghiên cứu kinh tế vĩ mô, giúp cho sinh viên hiểu đúng các thuật ngữ, nguyên lý và mô hình kinh tế vĩ mô, biết vận dụng lý thuyết để lý giải các vấn đề kinh tế vĩ mô mà thực tế đặt ra. Đây cũng là tài liệu hữu ích đối với sinh viên trong quá trình ôn tập để chuẩn bị thi hết học phần *Kinh tế vĩ mô* (chương trình cơ sở).

Cuốn sách này bao gồm 13 chương.

Chương 1. Khái quát về kinh tế học vĩ mô và đo lường thu nhập của một quốc gia.

Chương 2. Đo lường chi phí sinh hoạt.

Chương 3. Sản xuất và tăng trưởng.

Chương 4. Tiết kiệm, đầu tư và hệ thống tài chính.

Chương 5. Thất nghiệp và tỷ lệ thất nghiệp tự nhiên.

Chương 6. Hệ thống tiền tệ.

Chương 7. Tốc độ tăng tiền và lạm phát.

Chương 8. Kinh tế vĩ mô của nền kinh tế mở: Các khái niệm cơ bản.

Chương 9. Lý thuyết kinh tế vĩ mô về nền kinh tế mở.

Chương 10. Tổng cung và tổng cầu.

Chương 11. Ảnh hưởng của chính sách tài khoá và chính sách tiền tệ đến tổng cầu.

Chương 12. Sự đánh đổi giữa lạm phát và thất nghiệp trong ngắn hạn.

Chương 13. Tranh luận về chính sách kinh tế vĩ mô.

Mỗi chương đều bắt đầu bằng việc giới thiệu mục tiêu, tóm tắt nội dung của chương và các thuật ngữ then chốt. Tiếp đó, phần **Bài tập và Câu hỏi trả lời ngắn** sẽ giúp sinh viên nâng cao kỹ năng thực hành các lý thuyết kinh tế vĩ mô. Phần **Câu hỏi lựa chọn** sẽ giúp sinh viên tự kiểm tra nhận thức của mình về các thuật ngữ và nguyên lý cơ bản của kinh tế vĩ mô. Đáp án của toàn bộ phần **Bài tập vận dụng** được giới thiệu ở cuối mỗi chương. Một điều đặc biệt là các câu hỏi có mức độ tổng hợp ngày càng cao nhằm tăng cường khả năng vận dụng của sinh viên đối với các tình huống kinh tế vĩ mô cụ thể.

Cuốn sách này được một tập thể tác giả có nhiều kinh nghiệm giảng dạy môn học Kinh tế vĩ mô của Trường Đại học Kinh tế quốc dân biên soạn trên cơ sở tham khảo các cuốn bài tập, ngân hàng đề thi và hướng dẫn nghiên cứu viết cho một số cuốn giáo trình nổi tiếng đang được sử dụng rộng rãi trên thế giới, ví dụ như cuốn giáo trình *Nguyên lý Kinh tế học* của Giáo sư trường đại học Tổng hợp Harvard N.G.Mankiw. Bên cạnh đó, để đảm bảo nội dung và chương trình đào tạo ở Việt Nam, các câu hỏi và bài tập trong cuốn sách này đã được biên soạn và bổ sung một cách phù hợp.

Chúng tôi hy vọng rằng cuốn sách này sẽ giúp ích bạn đọc trong quá trình học tập, nghiên cứu và ứng dụng lý thuyết kinh tế vĩ mô. Mặc dù tập thể tác giả đã hết sức cẩn trọng trong quá trình biên soạn, nhưng cuốn sách không thể tránh khỏi những thiếu sót. Chúng tôi mong nhận được những ý kiến đóng góp từ các độc giả, các giảng viên, các nhà khoa học trong và ngoài Trường để cuốn sách được hoàn thiện hơn.

Thay mặt nhóm biên soạn

PGS.TS. Nguyễn Văn Công

Trưởng Bộ môn Kinh tế Vĩ mô

Trường ĐH Kinh tế Quốc dân

Tháng 8/2004

CHƯƠNG 1

KHÁI QUÁT VỀ KINH TẾ HỌC VĨ MÔ VÀ ĐO LƯỜNG THU NHẬP CỦA MỘT QUỐC GIA

TÓM TẮT CHƯƠNG

Đây là chương đầu tiên trong chuỗi hai chương giới thiệu tổng quan về môn học Kinh tế học vĩ mô và hai chỉ tiêu thống kê cơ bản mà các nhà kinh tế thường sử dụng để phản ánh hoạt động của toàn bộ nền kinh tế - GDP và chỉ số giá tiêu dùng.

Mục đích của chương 1 là cung cấp cho học viên một cái nhìn tổng quan về môn học Kinh tế vĩ mô, định nghĩa và cách đo lường chỉ tiêu tổng sản phẩm trong nước (GDP), một thước đo quan trọng nhất về thành tựu kinh tế vĩ mô của một quốc gia.

Đối tượng và phương pháp nghiên cứu của kinh tế học vĩ mô. Kinh tế học là môn học nghiên cứu cách thức xã hội quản lý các nguồn lực khan hiếm. Theo truyền thống, kinh tế học được chia thành *kinh tế học vi mô* và *kinh tế học vĩ mô*. Kinh tế học vi mô là môn học nghiên cứu cách thức các cá nhân ra quyết định và tương tác với nhau trên các thị trường đơn lẻ. Kinh tế học vĩ mô là môn học nghiên cứu hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Cuốn sách này sẽ bàn về kinh tế vĩ mô.

Trong kinh tế học vĩ mô chúng ta tìm cách giải quyết hai vấn đề. *Thứ nhất*, chúng ta tìm cách nắm bắt phương thức hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. *Thứ hai*, chúng ta tìm cách giải đáp câu hỏi là liệu chính phủ có thể làm điều gì để cải thiện thành tựu chung của toàn bộ nền kinh tế. Tức là, chúng ta quan tâm đến cả *giải thích và khuyến nghị về chính sách*.

Giải thích liên quan đến nỗ lực để hiểu hành vi của nền kinh tế trên bốn phương diện cơ bản: sản lượng và tăng trưởng kinh tế; việc làm và thất nghiệp; sự biến động của mức giá chung; và thu nhập ròng nhận được từ thương mại và tài chính quốc tế. Kinh tế học vĩ mô tìm cách giải thích điều gì quyết định các biến số đó, tại sao chúng lại biến động theo thời gian và mối quan hệ giữa chúng.

Trong kinh tế học vĩ mô chúng ta tìm cách hiểu phương thức hoạt động của toàn bộ nền kinh tế. Tuy nhiên, chúng ta không thể xem xét mọi giao dịch cá nhân trên tất cả các thị trường trong nền kinh tế. Trái lại, chúng ta cần phải đơn giản hoá, trừu tượng hoá thế giới hiện thực. Chúng ta sử dụng *phương pháp trừu tượng hoá* để giảm bớt những chi tiết phức tạp của nền kinh tế, nhằm tập trung phân tích

những mối quan hệ kinh tế then chốt, qua đó dễ dàng phân tích, đánh giá và dự báo hành vi của những biến số quan trọng. Quyết định nghiên cứu các biến số tổng hợp, chứ không nghiên cứu các biến số đơn lẻ cũng là một sự trừu tượng hoá. Một số vấn đề kinh tế vĩ mô cơ bản. Những vấn đề then chốt được kinh tế học vĩ mô quan tâm nghiên cứu bao gồm mức sản xuất, thất nghiệp, mức giá chung, và thương mại quốc tế của một nền kinh tế. Phân tích kinh tế vĩ mô hướng vào giải đáp các câu hỏi như: Điều gì quyết định giá trị hiện tại của các biến số này? Điều gì quy định những thay đổi của các biến số này trong ngắn hạn và dài hạn? Thực chất chúng ta khảo sát mỗi biến số này trong những khoảng thời gian khác nhau: hiện tại, ngắn hạn và dài hạn. Mỗi khoảng thời gian đòi hỏi chúng ta phải sử dụng các mô hình thích hợp để tìm ra các nhân tố quyết định các biến kinh tế vĩ mô này.

Một trong những thước đo quan trọng nhất về thành tựu kinh tế vĩ mô của một quốc gia là GDP. GDP đo lường tổng sản lượng và tổng thu nhập của một quốc gia. Phần lớn các nước trên thế giới đều có *tăng trưởng kinh tế* trong dài hạn. Các nhà kinh tế vĩ mô tìm cách giải thích sự tăng trưởng này. Nguồn gốc của tăng trưởng dài hạn là gì? Tại sao một số nước tăng trưởng nhanh hơn các nước khác? Liệu chính sách của chính phủ có thể ảnh hưởng đến tăng trưởng kinh tế dài hạn của một nền kinh tế hay không?

Mặc dù tốc độ tăng trưởng thường mang giá trị dương trong dài hạn, nhưng sự tăng trưởng này có thể không ổn định giữa các năm. Trên thực tế, GDP có thể giảm trong một số trường hợp. Những biến động ngắn hạn của GDP được gọi là *chu kỳ kinh doanh*. Hiểu biết về chu kỳ kinh doanh là một mục tiêu chính của kinh tế vĩ mô. Tại sao các chu kỳ kinh doanh lại xuất hiện? Các lực lượng kinh tế nào gây ra sự suy giảm tạm thời trong mức sản xuất, các lực lượng nào làm cho kinh tế phục hồi? Phải chăng các chu kỳ kinh doanh gây ra bởi các sự kiện không dự tính được hay chúng bắt nguồn từ các lực lượng nội tại có thể dự tính trước được? Liệu *chính sách của chính phủ* có thể sử dụng để làm dịu bớt hay triệt tiêu những biến động ngắn hạn trong nền kinh tế hay không? Đây là những vấn đề lớn đã được đưa ra và ít nhất cũng đã được giải đáp một phần bởi kinh tế vĩ mô hiện đại.

Thất nghiệp là biến số then chốt thứ hai mà kinh tế học vĩ mô quan tâm nghiên cứu. Tỷ lệ thất nghiệp đo lường số người không có việc làm và đang tích cực tìm việc tính theo tỷ lệ phần trăm so với lực lượng lao động. Sự biến động ngắn hạn của tỷ lệ thất nghiệp liên quan đến những dao động theo chu kỳ kinh doanh. Những thời kỳ sản lượng giảm thường đi kèm với tăng thất nghiệp và ngược lại.

Biến số then chốt thứ ba mà các nhà kinh tế vĩ mô đề cập đến là *lạm phát*. Lạm phát là hiện tượng phổ biến trên thế giới trong những thập kỷ gần đây. Vấn đề đặt

ra là điều gì qui định tỷ lệ lạm phát dài hạn và những biến động ngắn hạn của lạm phát trong một nền kinh tế? Tại sao lạm phát ở Việt Nam đã rất cao trong những năm 1980 và có xu hướng giảm trong những năm gần đây? Sự thay đổi tỷ lệ lạm phát có liên quan như thế nào đến chu kỳ kinh doanh? Phải chăng là ngân hàng trung ương cần theo đuổi mục tiêu lạm phát bằng không?

Vấn đề quan trọng thứ tư mà kinh tế vĩ mô xem xét là *cán cân thương mại*. Việt Nam nhìn chung có thâm hụt cán cân thương mại. Tầm quan trọng của cán cân thương mại là gì và điều gì qui định sự biến động của nó trong ngắn hạn và dài hạn? Để hiểu cán cân thương mại vấn đề then chốt cần nhận thức là mất cân bằng thương mại liên quan chặt chẽ với dòng chu chuyển vốn quốc tế. Nhìn chung, khi một nước nhập khẩu nhiều hàng hoá hơn từ thế giới bên ngoài so với xuất khẩu, nước đó cần phải trang trải cho phần nhập khẩu dôi ra đó bằng cách vay tiền từ thế giới bên ngoài, hoặc giảm lượng tài sản quốc tế hiện đang nắm giữ. Ngược lại, khi có xuất khẩu ròng dương, thì nước đó sẽ tích tụ tài sản của thế giới bên ngoài. Như vậy, nghiên cứu về mất cân bằng thương mại liên quan chặt chẽ với việc nghiên cứu tại sao các công dân một nước lại đi vay hoặc cho các công dân nước khác vay tiền.

Tổng sản phẩm trong nước (Gross Domestic Product - GDP). *Tổng sản phẩm trong nước* hay tổng sản phẩm quốc nội là thước đo về tổng thu nhập và tổng sản lượng của một nền kinh tế. GDP được định nghĩa là giá trị thị trường của tất cả hàng hoá và dịch vụ cuối cùng được sản xuất ra trong phạm vi một nước trong một thời kỳ nhất định.

"*Giá trị thị trường*" có nghĩa là sản lượng được tính theo mức giá phổ biến trên thị trường. Do vậy, các mặt hàng được bán với mức giá cao hơn sẽ được đánh giá cao hơn trong GDP.

"*Tất cả hàng hoá và dịch vụ*" có nghĩa là GDP cố gắng đo lường mọi sản phẩm được sản xuất trong nền kinh tế và được bán hợp pháp trên các thị trường. Ví dụ, GDP không tính đến việc sản xuất và bán các chất ma túy bất hợp pháp, và các hoạt động sản xuất và tiêu dùng tại gia đình.

"*Cuối cùng*" ở đây có nghĩa là GDP chỉ tính những hàng hoá và dịch vụ được bán cho người sử dụng cuối cùng. Ví dụ, GDP sẽ bao gồm giá trị của một chiếc xe đạp Thống Nhất khi nó được bán lẻ, nhưng không bao gồm giá trị của các hàng hoá trung gian được sử dụng trong quá trình sản xuất ra chiếc xe đó như thép, và lốp xe. *Hàng hoá trung gian* là những hàng hoá được sản xuất ra bởi một doanh nghiệp và được sử dụng hết trong quá trình sản xuất của doanh nghiệp khác. Việc chỉ tính những hàng hoá và dịch vụ cuối cùng tránh được việc tính nhiều lần giá trị của các hoạt động sản xuất trung gian.

"Hàng hoá và dịch vụ" có nghĩa là trong GDP tính cả hàng hoá hữu hình, ví dụ như xe máy và xe đạp, cũng như những sản phẩm vô hình như dịch vụ của các luật sư và bác sĩ.

"Được sản xuất ra" có nghĩa là chúng ta chỉ tính giá trị sản xuất hiện tại mà không tính giá trị của các giao dịch về hàng hoá đã được sản xuất trong một thời kỳ nào đó trước đây. Một lần nữa, điều này tránh được việc tính trùng.

"Trong phạm vi một nước" có nghĩa là GDP của Việt Nam đo lường giá trị của quá trình sản xuất diễn ra trong biên giới địa lý của Việt Nam.

"Trong một thời kỳ nhất định" có nghĩa là chúng ta đo lường GDP theo năm hoặc theo quý.

Bên cạnh GDP còn có các thước đo thu nhập khác mà dưới đây được giới thiệu theo thứ tự từ lớn nhất đến nhỏ nhất.

Tổng sản phẩm quốc dân (Gross National Product - GNP): GNP đo lường thu nhập hay giá trị sản xuất của các công dân một quốc gia (bao gồm cả con người và các nhà máy của họ) bất kể các hoạt động sản xuất diễn ra ở đâu.

Sản phẩm quốc dân ròng (Net National Product - NNP): NNP bằng GNP trừ đi khấu hao. Khấu hao là phần doanh thu được sử dụng để bù đắp giá trị tư bản đã hao mòn trong thời kỳ báo cáo.

Thu nhập quốc dân (National Income - NI): Thu nhập quốc dân là tổng thu nhập mà các công dân một nước tạo ra. Nó bằng NNP trừ đi thuế gián thu và cộng với trợ cấp kinh doanh. Thuế gián thu là thuế đánh vào chi tiêu mua hàng hoá và dịch vụ bao gồm thuế giá trị gia tăng, thuế tiêu thụ đặc biệt,

Thu nhập cá nhân: Thu nhập cá nhân là thu nhập của các hộ gia đình và các đơn vị kinh doanh không phải công ty. Nó khấu trừ các khoản lợi nhuận để lại (thu nhập công ty không được trả dưới dạng cổ tức), nhưng lại đưa vào tiền lãi mà các hộ gia đình nhận được từ các khoản cho chính phủ vay và thu nhập nhận được từ các chương trình chuyển khoản.

Thu nhập cá nhân khả dụng hay viết gọn là **thu nhập khả dụng** (Disposable Personal Income - DI): Thu nhập cá nhân khả dụng là thu nhập mà các hộ gia đình và các đơn vị kinh doanh không phải công ty còn lại sau khi nộp thuế và các khoản đóng góp khác cho chính phủ như đóng bảo hiểm xã hội.

Các phương pháp tính GDP. Để tính được GDP với độ tin cậy cao, Tổng cục Thống kê phải sử dụng nhiều phương pháp khác nhau. Kinh tế vĩ mô phân biệt ba phương pháp: *phương pháp sản xuất* (sử dụng luồng thông tin từ sản xuất), *phương pháp chi tiêu* (sử dụng luồng thông tin từ chi tiêu) và *phương pháp thu nhập* (sử dụng luồng thông tin từ thu nhập). Kết quả thu được từ các cách tiếp cận này hoàn toàn tương đương nếu như tất cả các số liệu được thu thập đầy đủ và chính xác.

